CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HÀ NỘI

Bản án số: **80**/2025/DSST
Ngày: 31/07/2025
Về việc: **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Như Hùng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 67/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2025 về việc **"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 07 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 23/2025/QĐST-DS ngày 18/07/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K;**

Trụ sở chính: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh H - Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Tầng 6 toà nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội *(Theo Giấy uỷ quyền số 52/UQ -NHKL ngày 08/01/2025)* - Có mặt tại phiên toà

- Bị đơn: **Ông Kiều Phúc Q**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Số 20 ngõ 65 ngách 19 Khương Đình, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân (nay là phường Khương Đình), thành phố Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày:

Ngày 23/04/2020, ông Kiều Phúc Q và Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội giao kết "Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" số 0137/20/TC/0800-01422 với nội dung:

- Chủ thẻ chính: Ông Kiều Phúc Q
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng
- Loại hình phát hành: Thẻ tín dụng tín chấp; Mục đích: Tiêu dùng
- Thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng
- Phí chậm thanh toán: 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán, tối đa 630.000 đồng
- Phí sử dụng vượt hạn mức: 0,075%/ngày/số tiền vượt hạn mức
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP K (tên gọi tắt K bank). Tại thời điểm cấp tín dụng cho ông Q, K bank quy định lãi suất trong hạn là 22%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn áp dụng từ thời điểm mở thẻ 23/04/2020 đến ngày 27/10/2022

Từ ngày 27/10/2022, K bank thay đổi chính sách về lãi suất, điều chỉnh lãi suất trong hạn đối với loại thẻ trên lên 28%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (42%) theo Biểu lãi suất cho vay thẻ tín dụng quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 3160A/QĐ-NHKL ngày 27/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K

Tại "Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020, ông Q đã đồng ý với các quy định của K bank tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, ông Q phải chấp nhận quy định về lãi, phí chậm thanh toán và phí sử dụng vượt hạn mức của Ngân hàng đối với loại thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 11/05/2023, ông Q không chi tiêu số tiền trong hạn mức thẻ được cấp và cũng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng nên tổng dư nợ gốc của ông Q đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện là 58.103.796 đồng, bao gồm 45.115.343 đồng nợ gốc và 9.786.666 đồng, phí phát sinh là 3.201.796 đồng

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Q có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất Ngân hàng quy định và ông Q đã đồng ý tại "Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020

** Bị đơn - ông Kiều Phúc Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm. Do sự vắng mặt của bị đơn nên Toà án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật đối với bị đơn.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc, đề nghị Tòa án buộc ông Kiều Phúc Q phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 44.922.300 đồng và nợ lãi, phí phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.955.518 đồng, bao gồm 29.980.628 đồng tiền lãi và 18.974.890 đồng phí phạt chậm trả và phí vượt hạn mức, tổng cộng cả gốc và lãi là 93.877.818 đồng theo "Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020 và Biểu lãi suất cho vay kèm theo, đồng thời yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có quan điểm:

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thanh toán tiền nợ và lãi tạm tính, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Kiều Phúc Q có địa chỉ cư trú là số 20 ngõ 65 ngách 19 Khương Đình, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là phường Khương Đình, thành phố Hà Nội) do vậy Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Về Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:Tòa án thực hiện đúng quy định tại điều 208 đến 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 02/4/2025, ngày 03/7/2025 Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các

đương sự, Viện kiểm sát: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các điều từ 171 - 177 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Tòa án chuyển hồ sơ kèm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKSND khu vực 2 - Hà Nội chậm 06 ngày làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử vụ án tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn đúng với quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn chưa đúng với quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 9, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ các điều 21, 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Kiều Phúc Q; Buộc ông Q phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.877.818 đồng, bao gồm 44.922.300 đồng nợ gốc và 29.980.628 đồng, phí phát sinh là 18.974.890 đồng; Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng K buộc bị đơn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện bị đơn - ông Kiều Phúc Q có địa chỉ cư trú tại số 20 ngõ 65 ngách 19 Khương Đình, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân (nay là phường Khương Đình), thành phố Hà Nội, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế K bank" ký ngày 23/04/2020 giữa ông Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - ông Kiều Phúc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Ngày 23/04/2020, ông Kiều Phúc Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng K) phát sinh quan hệ tín dụng thông qua việc Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng theo "Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020 cho ông Kiều Phúc Q. Xét thấy, giao dịch của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về giao dịch vay tài sản nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, thoả thuận trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Theo thỏa thuận, Ngân hàng K đồng ý cấp cho ông Q thẻ tín dụng có hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng trong thời hạn 36 tháng kể từ tháng 04/2020 đến tháng 04 năm 2023, hình thức bảo đảm là tín chấp; Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi trả theo kỳ vào đầu của tháng kế tiếp; Lãi suất các bên thoả thuận áp dụng theo Biểu lãi suất do Ngân hàng K phát hành. Tại thời điểm cấp tín dụng, Ngân hàng quy định lãi suất trong hạn đối với khoản vay là 22%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn

Quá trình sử dụng thẻ, theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, ông Q đã chi tiêu tổng số tiền 886.974.300 đồng, đã thanh toán trả K bank được 842.052.000 đồng, còn nợ 44.922.300 đồng vốn gốc và 29.980.628 đồng tiền lãi, 18.974.890 đồng phí phạt chậm trả và phí vượt hạn mức. Từ ngày 11/05/2023, ông Q không sử dụng hạn mức tín dụng được cấp và không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Bảng kê tính lãi, phí thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp các thể hiện, dư nợ gốc phải thanh toán của ông Q đến thời điểm ông Q dừng sử dụng thẻ (tháng 5/2023) là 44.922.300 đồng. Sau thời điểm ngày 11/05/2023 đến nay, ông Q không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ dư nợ gốc được giữ nguyên là 44.922.300 đồng. Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng K yêu cầu ông Q thanh toán khoản tiền 44.922.300 đồng là có căn cứ, cần buộc ông Q phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo Quy định biểu lãi suất ban hành kèm theo Quyết định ban hành

Biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại Ngân hàng K ngày 12/05/2020 do Ngân hàng TMCP K ban hành và ông Q đã đồng ý chấp thuận thì mức lãi suất trong hạn đối với cho vay thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm là 22%/năm và từ ngày 27/10/2022 là 28%/năm

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng K và ông Q thỏa thuận về lãi suất vay 22%/năm tại thời điểm giao kết hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do Ngân hàng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về lịch sử giao dịch thanh toán nợ lãi nên không có căn cứ xác định ông Q đã thanh toán trả Ngân hàng được bao nhiêu tiền lãi.

Theo tài liệu tính lãi của Ngân hàng thể hiện, Ngân hàng tính lãi đối với khoản nợ thẻ của ông Q từ ngày 11/03/2023 đến nay nhưng không thể hiện mức lãi suất cụ thể nên không có căn cứ xác định Ngân hàng áp dụng lãi suất trong hạn đến thời điểm nào và áp dụng lãi suất quá hạn kể từ thời điểm nào.

Theo Bảng kê tính lãi, ông Q dừng thanh toán nợ gốc và lãi từ ngày 11/05/2023 nhưng trước đó đã chậm thanh toán nên Ngân hàng bắt đầu tính lãi từ ngày 11/03/2023. Như vậy, thời gian chịu lãi đối với khoản nợ thẻ của ông Q tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 04 tháng 20 ngày. Do tài liệu tính lãi của nguyên đơn không ghi mức lãi suất áp dụng kể từ thời điểm ông Q chậm thanh toán nên căn cứ vào mức lãi suất quy định tại Biểu lãi suất cho vay thẻ tín dụng quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 3160A/QĐ-NHKL Ngân hàng áp dụng từ ngày 27/10/2022 thì mức lãi suất là 28%/năm. Như vậy, số tiền lãi ông Q phải chịu là 44.922.300 đồng x 28%/năm x 02 năm 04 tháng 20 ngày = 30.051.650 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán khoản tiền lãi là 29.980.628 đồng. Đây là sự tự nguyện của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với khoản tiền phí phát sinh, theo quy định của Ngân hàng mà ông Q đã chấp thuận, phí chậm thanh toán là 3,5% tính trên số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán và tối đa là 630.000 đồng và phí sử dụng vượt hạn mức: 0,075%/ngàytính trên số tiền vượt hạn mức. Theo Bảng kê tính phí của Ngân hàng thì Ngân hàng áp dụng phí chậm thanh toán đối với dự nợ thẻ của ông Q từ ngày 08/05/2023 đến nay là 13.974.890 đồng và phí chi tiêu vượt hạn mức từ ngày 11/05/2023 đến nay là 5.000.000 đồng, tổng phí phát sinh là 18.974.800 đồng

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc nợ lãi ông Q còn nợ Ngân hàng là: 44.922.300 đồng + 29.980.628 đồng + 18.974.890 đồng = 93.877.818 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.877.818 đồng là có căn cứ, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán của Quý kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo theo Án lệ số 08/2016/AL *"về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử"* được lựa chọn từ quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/05/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL, buộc ông Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết, ông Kiều Phúc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 93.877.818 đồng x 5% = 4.693.890 đồng

Hoàn trả Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí 1.452.594 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037157 ngày 02/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam; Thông tư 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Kiều Phúc Q về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020 giữa ông Kiều Phúc Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc ông Kiều Phúc Q phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí phạt theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K bank" ngày 23/04/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/07/2025) là 93.877.818 đồng *(chín mươi ba triệu tám trăm bảy bảy ngàn tám trăm mười tám nghìn),* bao gồm: Nợ gốc là 44.922.300 đồng *(bốn mươi bốn triệu chín trăm hai hai ngàn ba trăm đồng),* nợ lãi là 29.980.628 đồng *(hai chín triệu chín trăm tám mươi ngàn sáu trăm hai tám đồng* và phí phạt chậm trả, phí vượt hạn mức là 18.974.890 đồng *(mười tám triệu chín trăm bảy tư ngàn tám trăm chín mươi đồng)*

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Kiều Phúc Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí: Ông Kiều Phúc Q phải chịu 4.693.890 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí 1.452.594 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037157 ngày 02/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
- Người tham gia tố tụng
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy